

Số: 83/2018/QĐST-HNGĐ

T, ngày 3 tháng 4 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hồng Sáng

2. Bà Huỳnh Thị Sương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Mộng Tuyền – Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre tham gia phiên
tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 3 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 600/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm
2017 về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐST -
HN ngày 15 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Kim X, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: anh Trần Văn T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp B, xã D, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NHẬN THẤY:

*Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 12 năm 2017, Trong quá trình tố tụng
cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị Kim X trình bày:*

Chị X và anh T kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân
xã C, huyện T vào ngày 29 tháng 12 năm 2003. Hôn nhân được xây dựng trên cơ
sở tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại xã D, đến đầu năm
2011 thì phát sinh mâu thuẫn, chị về C cất nhà ở, sau đó thì anh T có đến năn nỉ,
vợ chồng hàn gắn với nhau và sinh sống tại C nhưng cuộc sống không còn hạnh
phúc như xưa luôn xảy ra bất hòa xung đột gây cãi nhau. Nguyên nhân xảy ra mâu

thuần vợ chồng là do anh T thường hay rượu chè, không quan tâm đến kinh tế gia đình, vợ con. Mỗi khi chị khuyên ngăn thì vợ chồng xảy ra tranh cãi, bất hòa: đôi khi vợ chồng còn xảy ra xung đột đánh nhau gây thương tích. Chính vì thế anh T trở về nhà ở D sống, còn chị thì sống ở C. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016. Nay chị xác định tình cảm với anh T không còn, cuộc hôn nhân giữa chị và anh T không có hạnh phúc. Vì vậy chị yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với anh T.

Về con chung: Thời gian chị và anh T chung sống với nhau có 3 người con là Trần Minh T, sinh ngày 13/10/2001, Trần Thị Thanh T, sinh ngày 11/03/2006 và Trần Thị Bích T, sinh ngày 08/03/2008. Hiện tại cả 3 con đều có nguyện vọng sống với anh T nên chị đồng ý theo nguyện vọng của 3 con.

Về tài sản chung: không có tranh chấp

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Anh và chị X kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T vào ngày 29 tháng 12 năm 2003. Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại xã D, đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, chị X về C cất nhà ở, sau đó thì anh đến năn nỉ và vợ chồng hàn gắn với nhau và sinh sống tại C. Do kinh tế gia đình khó khăn anh muốn có việc làm để kiếm thêm thu nhập nhưng khi anh bàn làm công việc gì thì chị X đều bàn ra không cho anh làm vì cho rằng làm không được, làm sẽ lỗ, từ đó mà anh bất mãn chán nản mới đi uống rượu. Khi vợ chồng tranh cãi nhau anh hay nói lớn tiếng vì bản tính anh như vậy; nhưng chị X cứ nói anh chửi chị rồi la cự lại anh, nên dẫn đến xô xát đẩy qua đẩy lại làm chị X té bị thương chứ anh không có đánh vợ. Từ sự việc không hay đó anh buồn biết lỗi nên trở về D sống nhưng anh vẫn tới lui thăm vợ, con, không có nhậu nhẹt và gây chuyện với vợ nữa. Nay chị X nộp đơn xin ly hôn anh anh không đồng ý ly hôn vì tội nghiệp các con.

Về con chung: Thời gian chung sống vợ chồng anh với nhau có 3 người con là Trần Minh T, sinh ngày 13/10/2001, Trần Thị Thanh T, sinh ngày 11/03/2006 và Trần Thị Bích T, sinh ngày 08/03/2008. Hiện tại cả 3 con đều có nguyện vọng sống với anh nên anh đồng ý nuôi 3 con không yêu cầu chị X cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có tranh chấp

Về nợ chung: không có.

** Tại phiên tòa:*

- Chị X giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T; con chung đồng ý theo nguyện vọng của con.

- Anh T đồng ý ly hôn với chị X; đồng ý nuôi 3 con, không yêu cầu chị X cấp dưỡng.

Quan điểm của Viện kiểm sát: Qua hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nhận thấy:

- Về thủ tục: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy, tại phiên tòa, hai bên thuận tình ly hôn, tự nguyện con chung giao anh T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con, anh T không yêu cầu cấp dưỡng. Do đó căn cứ vào Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên.

Từ các lời trình bày trên:

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và sự thỏa thuận của các bên tại phiên tòa sơ thẩm

Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, chị X và anh T đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận trên là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ vào các điều 213, 246 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 55, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trần Thị Kim X và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Trần Minh T, sinh ngày 13/10/2001, Trần Thị Thanh T, sinh ngày 11/03/2006 và Trần Thị Bích T, sinh ngày 08/03/2008. Anh Trần Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung. Chị X có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3 Về tài sản chung: không tranh chấp.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí : 300.000đ Chị Trần Thị Kim X phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014464 ngày 13/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Án phí chị X đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- **UBND xã C, huyện T;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lâm